



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: + 84 (4) 666 42 777 Fax: + 84 (4) 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 207

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015



Thành viên hãng **agn** International / Member Firm of **agn** International

Kiểm toán/Audit . Kế toán/Accounting . Tư vấn thuế/Tax Consulting . Tài chính/Finance

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 207

Tầng 20, toà nhà HH4 Sông Đà TWIN TOWER,
đường Phạm Hùng, xã Mỹ Trì, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4-5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6-7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 36

1
C
H
M
A
U
/ 21

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 207

Tầng 20, toà nhà HH4 Sông Đà TWIN TOWER,
đường Phạm Hùng, xã Mễ Trì, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 207 (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Ngọc Dũng	Chủ tịch
Ông Hoàng Văn Sơn	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 19 tháng 10 năm 2015)
Bà Trịnh Thị Hà	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 10 năm 2015)
Bà Trần Thị Kim Thanh	Ủy viên
Ông Trần Văn Phòng	Ủy viên
Ông Trần Việt Sơn	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Việt Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Trần Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Hồng Thái	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 06 tháng 11 năm 2015)
Ông Nguyễn Đức Anh	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 28 tháng 11 năm 2015)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 207
Tầng 20, toà nhà HH4 Sông Đà TWIN TOWER,
đường Phạm Hùng, xã Mễ Trì, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Trần Việt Sơn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 19 tháng 05 năm 2016

3
/ 3
/ 05
/ 2016
V. CHI
/ 2016



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: + 84 (4) 666 42 777 Fax: + 84 (4) 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 05.05/2016/BCKT- IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sông Đà 207**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà 207 (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 19 tháng 05 năm 2016 từ trang 6 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



The stamp is circular with a red border. The text inside the stamp reads: "CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ". Around the inner edge of the stamp, it says "M.S.D.N. 010917423 - C.T.T.M.N.H" and "S. ĐĂNG KÝ: 010917423 - C.T.T.M.N.H". A blue ink signature is written over the stamp.

Phạm Tiến Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0747-2013-072-01

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ
VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ**

Hà Nội, ngày 19 tháng 05 năm 2016



A blue ink signature, appearing to read "Thanh", written over a horizontal line.

Trần Thiện Thanh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1932-2013-072-01

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015


MẪU B 01 - DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		591.021.668.067	483.430.871.160
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		481.022.277	1.110.074.751
1. Tiền	111	V.1	481.022.277	1.110.074.751
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		471.250.597.269	373.255.386.059
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	54.250.693.581	54.157.402.321
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	250.985.124.160	78.482.395.098
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	171.307.772.807	240.675.431.156
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(5.292.993.279)	(59.842.516)
III. Hàng tồn kho	140		119.290.048.521	109.002.195.807
1. Hàng tồn kho	141	V.5	119.290.048.521	109.002.195.807
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	63.214.543
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	63.214.543
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		63.833.966.762	71.364.571.245
I. Tài sản cố định	220		9.813.177.773	13.483.832.683
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	4.813.177.773	1.153.625.095
- Nguyên giá	222		50.591.453.851	24.112.375.692
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(45.778.276.078)	(22.958.750.597)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.7	-	7.330.207.588
- Nguyên giá	225		-	26.127.472.559
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	(18.797.264.971)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	5.000.000.000	5.000.000.000
- Nguyên giá	228		5.000.000.000	5.000.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.639.073.474	3.639.073.474
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	3.639.073.474	3.639.073.474
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		47.582.074.120	50.538.355.742
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.10	49.636.900.194	49.636.900.194
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.11	3.600.000.000	3.600.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.10	(5.654.826.074)	(2.698.544.452)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		2.799.641.395	3.703.309.346
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	2.799.641.395	3.703.309.346
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		654.855.634.829	554.795.442.405

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 01 - DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		664.709.599.288	544.065.798.345
I. Nợ ngắn hạn	310		579.800.599.288	456.041.798.345
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	155.068.046.729	100.775.620.426
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	236.170.512.654	185.941.570.189
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	5.785.745.851	5.328.307.843
4. Phải trả người lao động	314		10.008.028.445	10.589.022.556
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	69.127.619.745	53.120.296.833
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	1.818.181.818	1.818.181.818
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	13.032.969.027	6.796.639.969
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	88.601.118.215	91.483.781.907
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		188.376.804	188.376.804
II. Nợ dài hạn	330		84.909.000.000	88.024.000.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20	84.909.000.000	88.024.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(9.853.964.459)	10.729.644.060
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	(9.853.964.459)	10.729.644.060
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		110.000.000.000	110.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		110.000.000.000	110.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10.107.077.500	10.107.077.500
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.461.325.478	11.461.325.478
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(141.422.367.437)	(120.838.758.918)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(120.838.758.918)	(101.540.761.826)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(20.583.608.519)	(19.297.997.092)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		654.855.634.829	554.795.442.405


Tạ Thị Giang
 Người lập biểu


Phạm Đình Hiệp
 Kế toán trưởng


Trần Việt Sơn
 Tổng Giám đốc




Ngày 19 tháng 05 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 02 - DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	325.090.935.536	226.700.937.104
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		325.090.935.536	226.700.937.104
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	308.693.653.431	218.446.352.107
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.397.282.105	8.254.584.997
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	23.525.962	33.328.976
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	20.718.841.354	17.545.548.382
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		17.762.559.732	17.935.097.634
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	15.845.931.562	10.068.027.238
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(20.143.964.849)	(19.325.661.647)
10. Thu nhập khác	31		92.287.359	28.995.455
11. Chi phí khác	32		531.931.029	1.330.900
12. Lợi nhuận khác	40		(439.643.670)	27.664.555
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(20.583.608.519)	(19.297.997.092)
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(20.583.608.519)	(19.297.997.092)


 Tạ Thị Giang
 Người lập biểu


 Phạm Đình Hiệp
 Kế toán trưởng




 Trần Việt Sơn
 Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 05 năm 2016


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 03 - DN
 Đơn vị: VND

	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	(20.583.608.519)	(19.297.997.092)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	4.022.260.510	2.922.660.598
Các khoản dự phòng	03	8.189.432.385	(389.549.252)
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(23.525.962)	(33.328.976)
Chi phí lãi vay	06	17.762.559.732	17.935.097.634
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08	9.367.118.146	1.136.882.912
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(103.228.361.973)	(180.302.672.083)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(10.287.852.714)	(30.580.377.602)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	111.749.246.197	222.003.591.189
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	966.882.494	(728.093.810)
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.870.341.294)	(6.018.747.746)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	20	5.696.690.856	5.510.582.860
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSHD khác	21	(351.605.600)	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	23.525.962	33.328.976
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(328.079.638)	33.328.976
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	16.930.000.000	32.196.421.583
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(20.016.000.000)	(31.279.920.418)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(2.911.663.692)	(5.396.344.231)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(5.997.663.692)	(4.479.843.066)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(629.052.474)	1.064.068.770
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.110.074.751	46.005.981
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	481.022.277	1.110.074.751




Tạ Thị Giang
 Người lập biểu


Phạm Đình Hiệp
 Kế toán trưởng


Trần Việt Sơn
 Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 05 năm 2016

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sông Đà 207 (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Xí nghiệp Sông Đà 207 - Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 2 được thành lập theo quyết định số 14/TCT- TCFĐT ngày 04 tháng 08 năm 2003 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Sông Đà. Xí nghiệp Sông Đà 207 được chuyển thành Công ty Cổ phần Sông Đà 207 theo quyết định số 04 CT/HDQT ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 2 về việc thành lập Công ty Cổ phần Sông Đà 207 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102150565 ngày 02 tháng 08 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Ngày 27 tháng 8 năm 2015, Công ty Cổ phần Sông Đà 2 thoái toàn bộ vốn hiện có tại Công ty Cổ phần Sông Đà 207 theo thông báo thoái vốn số 1811/TCT-TCNS ngày 27 tháng 8 năm 2015

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 ngày 02 tháng 08 năm 2011, vốn điều lệ của Công ty là 110 tỷ đồng, chia thành 11.000.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, không có cổ phần ưu đãi.

Theo Quyết định số 22//QĐ-SGDHN ngày 08 tháng 05 năm 2014, Công ty Cổ phần Sông Đà 207 với mã chứng khoán là SDB hủy niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 04 tháng 06 năm 2014. Theo Quyết định số 338/QĐ-SGDHN ngày 25 tháng 06 năm 2014, Công ty Cổ phần Sông Đà 207 với mã chứng khoán SDB được chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 02 tháng 07 năm 2014.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Đơn vị	Địa chỉ
Văn phòng Công ty	Tầng 20, toà nhà HH4 Sông Đà Twin Tower, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Trì, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Công ty con	Địa chỉ
Công ty TNHH MTV Xây lắp Sông Đà 207	Số 162A Nguyễn Tuân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Công ty TNHH MTV Sông Đà 207 Nha Trang	Số 100/6A Trần Phú, phường Lập Thạch, Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
Công ty TNHH MTV Sông Đà 207 Miền Nam	Toà nhà DTC, 99A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty:

- Kinh doanh bất động sản;
- Tư vấn đầu tư (không bao gồm dịch vụ tư vấn pháp luật, tư vấn tài chính);
- Quản lý khu đô thị, khu nhà ở, văn phòng, khu công nghiệp, khu dân cư, bãi đỗ xe;
- Dịch vụ đấu giá, quảng cáo, quản lý và tư vấn bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Tư vấn quản lý và điều hành các dự án đầu tư xây dựng;
- Lập và thực hiện các dự án xây dựng nhà ở, khu đô thị, khu công nghiệp. Tư vấn, lập hồ sơ dự thầu, đấu thầu trong lĩnh vực xây dựng (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Kinh doanh vận chuyển hành khách và vận tải đường bộ;
- Xuất, nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Sản xuất, khai thác, kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Trang trí nội, ngoại thất công trình;

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty (Tiếp theo):

- Cho thuê máy móc, thiết bị trong lĩnh vực xây dựng;
- Xây dựng công trình thủy lợi: đập, hồ chứa nước, hệ thống tưới tiêu;
- Xây dựng công trình giao thông: đường bộ, sân bay, bến cảng;
- Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng và xây dựng hạ tầng đô thị; và
- Các ngành nghề khác theo đăng ký kinh doanh.

Tổng số lao động dài hạn tại Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 78 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2015 là 76 người).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Đối với hoạt động cho thuê máy móc, thiết bị, chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đối với hoạt động xây dựng, chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian trên 12 tháng.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch.

III. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn Chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

Các ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Trị giá hàng xuất kho được xác định theo phương pháp giá bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Máy móc thiết bị	06 - 12
Phương tiện vận tải	06 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định khác	02 - 06

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)***Đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, máy móc thiết bị phục vụ thi công, chi phí sửa chữa máy móc thiết bị có giá trị lớn; chi phí thuê văn phòng tại tầng 20 tòa nhà HH4 Sông Đà Twin Tower của Tổng Công ty Sông Đà; chi phí sửa chữa tầng 7 tòa nhà Diamond Flower. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng ước tính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng. (xem chi tiết dưới đây)

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm khoản trích trước chi phí thi công các hạng mục công trình đã thực hiện nhưng chưa phát hành hóa đơn, giá trị ghi nhận được xác định dựa vào hợp đồng, các biên bản nghiệm thu và phiếu giá; khoản chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ nhưng chưa trả (giá trị ghi nhận dựa vào hợp đồng, kế ước vay và thời gian vay thực tế).

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 207Tầng 20, toà nhà HH4 Sông Đà TWIN TOWER,
đường Phạm Hùng, xã Mễ Trì, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	57.220.094	541.388.700
Tiền gửi ngân hàng	423.802.183	568.686.051
Cộng	481.022.277	1.110.074.751

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công ty CP Đầu tư kinh doanh và phát triển hạ tầng KCN Phúc Hà	13.439.718.595	14.959.306.821
Công ty CPĐT đô thị và KCN Sông Đà 7	13.053.930.666	15.020.355.242
Phải thu đối tượng khác	27.757.044.320	24.177.740.258
Cộng	54.250.693.581	54.157.402.321

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty Cổ phần đầu tư Đại Việt	32.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Sông Đà 207 Miền Nam	8.279.685.833	12.202.248.969
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương Mại Hà Nội	40.441.315.000	16.000.000.000
Công ty Cổ phần đầu tư HNB	112.173.000.000	-
Đối tượng khác	38.091.123.327	30.280.146.129
Cộng	250.985.124.160	78.482.395.098

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 207Tầng 20, toà nhà HH4 Sông Đà TWIN TOWER,
đường Phạm Hùng, xã Mỹ Trì, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tạm ứng	21.409.263.359	19.519.724.163
Cầm cố ký quỹ ngắn hạn	717.290.406	2.320.557.345
Đối tượng khác	149.181.219.042	218.835.149.648
<i>Dự án Trương Đình Hội II</i>	<i>38.200.000.000</i>	<i>38.800.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hà Nội</i>	<i>37.700.000.000</i>	<i>37.700.000.000</i>
<i>Công ty TNHH MTV Xây lắp Sông Đà 207</i>	<i>10.879.004.862</i>	<i>10.879.004.862</i>
<i>Công ty TNHH MTV Sông Đà 207 Nha Trang</i>	<i>4.287.549.047</i>	<i>4.287.549.047</i>
<i>Công ty TNHH MTV Sông Đà 207 Miền Nam</i>	<i>4.990.867.235</i>	<i>4.900.571.172</i>
<i>Công ty Cổ phần Ngân Trường (*)</i>	<i>50.000.000.000</i>	<i>50.000.000.000</i>
<i>Công ty TNHH khai thác và chế biến khoáng sản Nam Phong (**)</i>	-	70.000.000.000
<i>Phải thu khác</i>	<i>3.123.797.898</i>	<i>2.268.024.567</i>
Cộng	<u>171.307.772.807</u>	<u>240.675.431.156</u>

(*) Khoản phải thu với Công ty Cổ phần Ngân Trường được ghi nhận theo Thỏa thuận số 01/2014/NGANTRUONG-SD207/ ngày 30 tháng 10 năm 2014 về việc “Quản lý sử dụng vốn phục vụ dự án xây dựng nhà máy chế biến quặng sắt vôi viên 300.000T/năm” và Hợp đồng Tổng thầu EPC số 03/2014/NGANTRUONG-SD207 ngày 15 tháng 5 năm 2014 về việc “Thiết kế, cung ứng vật tư thiết bị hạ tầng và thi công xây dựng phần hạ tầng kỹ thuật và kiến trúc dự án xây dựng nhà máy chế biến quặng sắt vôi viên 300.000T/năm”.

(**) Khoản phải thu với Công ty TNHH Khai thác và chế biến khoáng sản Nam Phong theo Thỏa thuận số 01/2014/NAM PHONG-SD207 ngày 14 tháng 12 năm 2014 về việc “Quản lý sử dụng vốn phục vụ dự án xây dựng nhà máy chế biến quặng sắt vôi viên 300.000T/năm” và Hợp đồng Tổng thầu EPC số 146-2014/NP-SD207 ngày 06 tháng 9 năm 2014 về việc “Thiết kế, cung ứng vật tư thiết bị hạ tầng và thi công xây dựng phần hạ tầng kỹ thuật và kiến trúc dự án xây dựng nhà máy chế biến quặng sắt vôi viên 300.000T/năm”.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 207

Tầng 20, Toà nhà HH4 Sông Đà TWIN TOWER,
đường Phạm Hùng, xã Mỹ Trì, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

MÁU B 09 - DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5. Hàng tồn kho	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	9.631.272.418	-	2.499.722.440	-
Công cụ, dụng cụ	140.613.951	-	139.086.372	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	109.518.162.152	-	106.363.386.995	-
Cộng	119.290.048.521	-	109.002.195.807	-

6. Tài sản cố định hữu hình

NGUYÊN GIÁ Tại ngày 01/01/2015	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Mua trong năm	20.062.609.157	3.682.480.535	96.186.000	271.100.000	24.112.375.692
Tăng khác (*)	26.413.398.559	-	65.679.600	-	65.679.600
Tại ngày 31/12/2015	46.476.007.716	3.682.480.535	161.865.600	271.100.000	50.591.453.851
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	19.350.652.907	3.240.811.690	96.186.000	271.100.000	22.958.750.597
Khấu hao trong năm	976.908.814	432.604.440	-	-	1.409.513.254
Tăng khác (*)	21.410.012.227	-	-	-	21.410.012.227
Tại ngày 31/12/2015	41.737.573.948	3.673.416.130	96.186.000	271.100.000	45.778.276.078
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2015	711.956.250	441.668.845	-	-	1.153.625.095
Tại ngày 31/12/2015	4.738.433.768	9.064.405	65.679.600	-	4.813.177.773

(*) Trong năm Công ty mua lại TSCĐ thuê tài chính theo Biên bản thanh lý hợp đồng thuê tài chính số 2010-00030 ngày 21 tháng 01 năm 2015.
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 21.200.887.112 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 207Tầng 20, Toà nhà HH4 Sông Đà TWIN TOWER,
đường Phạm Hùng, xã Mễ Trì, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****7. Tài sản cố định thuê tài chính**

	Má y m ó c thi ế t b ị VND	T ồ n g VND
NGUY Ề N GI Ầ		
Tại ngày 01/01/2015	26.127.472.559	26.127.472.559
Tr ả l ại TSCĐ th ư ề tài chính	(26.127.472.559)	(26.127.472.559)
Tại ngày 31/12/2015	-	-
GI Ầ TR ị H Ầ O M Ồ N L Ữ Y K Ế		
Tại ngày 01/01/2015	18.797.264.971	18.797.264.971
Kh ẩ u h ầ o tr ồ n g n ă m	2.612.747.256	2.612.747.256
Tr ả l ại TSCĐ th ư ề tài chính	(21.410.012.227)	(21.410.012.227)
Tại ngày 31/12/2015	-	-
GI Ầ TR ị C Ồ N L Ầ I		
Tại ngày 01/01/2015	<u>7.330.207.588</u>	<u>7.330.207.588</u>
Tại ngày 31/12/2015	<u>-</u>	<u>-</u>

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không xác định thời hạn tại 2 lô đất diện tích 200 m² tại phường 16, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh nên không trích khấu hao.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Công trình chung cư cao cấp Bãi Dương	3.639.073.474	3.639.073.474
C ồ n g	<u>3.639.073.474</u>	<u>3.639.073.474</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 207

Tầng 20, Toà nhà HH4 Sông Đà TWIN TOWER,
đường Phạm Hùng, xã Mê Trì, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

MÁU B 09 - DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**10. Đầu tư vào công ty con**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty TNHH MTV Xây lắp Sông Đà 207	30.000.000.000	28.248.733.773	1.751.266.227	30.000.000.000
Công ty TNHH MTV Sông Đà 207 Nha Trang	15.000.000.000	11.096.440.153	3.903.559.847	12.301.455.548
Công ty TNHH MTV Sông Đà 207 Miền Nam	4.636.900.194	4.637.168.587	-	4.636.900.194
Cộng	49.636.900.194	43.982.342.513	5.654.826.074	46.938.355.742

Thông tin chi tiết:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH MTV Xây lắp Sông Đà 207	Hà Nội	100%	Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp...
2	Công ty TNHH MTV Sông Đà 207 Nha Trang	Khánh Hòa	100%	Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp...
3	Công ty TNHH MTV Sông Đà 207 Miền Nam	Hồ Chí Minh	100%	Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp...

11. Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sông Đà HTC dưới hình thức công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư. Giá trị vốn góp là 3.600.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 207

Tầng 20, Toà nhà HH4 Sông Đà TWIN TOWER,
đường Phạm Hùng, xã Mỹ Trì, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

MÁU B 09 - DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**12. Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí Công cụ, dụng cụ, sửa chữa lớn tài sản cố định chờ phân bổ
Chi phí thuê tầng 20 nhà A tòa nhà hỗn hợp HH4 Sông Đà Twin Tower
Cộng

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
	1.790.296.878	1.559.128.682
	1.009.344.517	2.144.180.664
	2.799.641.395	3.703.309.346

13. Phải trả người bán ngắn hạn

Công ty CP Đầu tư Kinh doanh & phát triển hạ tầng KCN Phố Hà
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai
Công ty CP Thép và Thương mại Hà Nội
Phải trả đối tượng khác
Cộng

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
	5.168.274.442	5.168.274.442	11.546.003.457	11.546.003.457
	33.862.677.374	33.862.677.374	-	-
	19.572.358.681	19.572.358.681	11.361.924.076	11.361.924.076
	96.464.736.232	96.464.736.232	77.857.592.893	77.867.692.893
	155.068.046.729	155.068.046.729	100.775.620.426	100.775.620.426

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 207

Tầng 20, Toà nhà HH4 Sông Đà TWIN TOWER,
đường Phạm Hùng, xã Mỹ Trì, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

MÀU B 09 - DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	31/12/2015		01/01/2015	
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP tháp nước Hà Nội		36.798.600.000		13.000.000.000
Công ty CP ĐT đô thị và KCN Sông Đà 7		-		35.824.859.379
Công ty CP Ngân Trường		50.000.000.000		50.000.000.000
Công ty TNHH Khai thác và chế biến khoáng sản Nam Phong		114.673.000.000		72.000.000.000
Đối tượng khác		34.698.912.654		15.116.710.810
Cộng		236.170.512.654		185.941.570.189

15. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	31/12/2015		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		01/01/2015	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	2.406.015.917	3.909.096.714	2.883.528.489	1.380.545.692				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	970.561.472	-	-	970.561.472				
Thuế thu nhập cá nhân	2.409.170.462	(568.030.217)	-	2.977.200.679				
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-				
Cộng	5.785.745.851	3.344.066.497	2.886.628.489	5.328.307.843				

16. Chi phí phải trả ngắn hạn	31/12/2015		01/01/2015	
	VND	VND	VND	VND
Chi phí lãi vay và phí bảo lãnh		67.828.351.226		52.936.132.788
Chi phí phát sinh chưa có hóa đơn GTGT		1.299.268.519		184.164.045
Cộng		69.127.619.745		53.120.296.833

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 207Tầng 20, Toà nhà HH4 Sông Đà TWIN TOWER,
đường Phạm Hùng, xã Mễ Trì, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Doanh thu nhận trước Công trình trung tâm thương mại Vinh	1.818.181.818	1.818.181.818
Cộng	1.818.181.818	1.818.181.818

18. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1.644.442.756	2.017.264.127
Tiền cổ tức phải trả	1.366.789.500	1.372.259.500
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	3.528.098.915	2.226.913.127
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.493.637.856	1.180.203.215
- Tiền thuế TNCN phải trả lại cho nhân viên	3.610.145.723	-
- Tiền lương nợ nhân viên	1.751.820.082	381.389.770
- Phải trả phải nộp khác	1.131.672.051	798.813.445
Cộng	13.032.969.027	6.796.639.969

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 207Tầng 20, Toà nhà HH4 Sông Đà TWIN TOWER,
đường Phạm Hùng, xã Mễ Trì, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015**MÀU B 09 - DN****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****19. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Trong năm			
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND
Vay ngắn hạn				
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Cầu Giấy	{a} 10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội	{b} 34.677.264.514	34.677.264.514	-	34.677.264.514
+ Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - CN Hà Nội	{c} 37.558.853.701	37.558.853.701		37.558.853.701
+ Ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex - CN Hà Nội	-	-	4.036.000.000	4.036.000.000
+ Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - CN Hà Nội	-	-	2.565.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai	{d} 1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	-
+ Vay cá nhân	{e} 5.365.000.000	5.365.000.000	3.365.000.000	300.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả				
Tổng	88.601.118.215	88.601.118.215	16.930.000.000	19.812.663.692
				91.483.781.907
				91.483.781.907

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 207

Tầng 20, Tòa nhà HH4 Sông Đà TWIN TOWER,
đường Phạm Hùng, xã Mễ Trì, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

MÁU B 09 - DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

20. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn (Tiếp theo)

{a} Khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Cầu Giấy theo các hợp đồng vay ngắn hạn sau:

- Hợp đồng số 01/2015/1545585/HĐTD ngày 04 tháng 8 năm 2015 với giá trị vay là 4 tỷ đồng, thời gian vay là 11 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất vay là 9%/năm và được điều chỉnh 3 tháng/lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.
 - Hợp đồng số 02/2015/1545585/HĐTD ngày 04 tháng 8 năm 2015 với giá trị vay là 4 tỷ đồng, thời gian vay là 11 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất vay là 9%/năm và được điều chỉnh 3 tháng/lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.
 - Hợp đồng số 03/2015/1545585/HĐTD ngày 04 tháng 8 năm 2015 với giá trị vay là 2 tỷ đồng, thời gian vay là 11 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất vay là 9%/năm và được điều chỉnh 3 tháng/lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn
- Mục đích của khoản vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công công trình Thăng Long Victory.

{b} Khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 11/TDHM/II.25 ký ngày 28 tháng 01 năm 2011 với Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội. Hạn mức tín dụng là 35 tỷ đồng. Mục đích sử dụng vốn vay là thanh toán chi phí xây dựng, chi phí nhân công và thanh toán cho thầu phụ để thực hiện thi công xây lắp. Thời hạn cho vay không vượt quá 9 tháng. Lãi suất tiền vay được quy định cụ thể trên từng mức ước nhận nợ và có thể thay đổi theo quy định của ngân hàng trong từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.

{c} Khoản vay theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 376/HĐHMTD/TCB - SGO ký ngày 23 tháng 12 năm 2010 với Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội. Hạn mức tín dụng là 40 tỷ đồng, doanh số giải ngân tối đa không quá 70 tỷ đồng. Mục đích sử dụng tiền vay là thanh toán chi phí đầu vào. Thời hạn cung cấp hạn mức tín dụng là 12 tháng (đến hết ngày 23 tháng 12 năm 2011). Thời hạn các khoản vay quy định cụ thể trên từng mức ước nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng. Lãi suất trong hạn được quy định cụ thể trên từng mức ước nhận nợ. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Ngày 02 tháng 12 năm 2015, Ngân hàng Techcombank đã thực hiện bán Khoản nợ này (bao gồm cả gốc, lãi và các phí phát khác chưa thanh toán) cho Công ty Cổ phần Đầu Tư Địa Việt. Năm 2016, Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam và Công ty Cổ phần Đầu Tư Địa Việt đã xác nhận giao dịch theo hợp đồng cam kết đã thanh công và thực hiện thanh lý hợp đồng

{d} Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng vay vốn số 01/2015/KU/XMC-SDD207 ngày 03 tháng 07 năm 2015 và phụ lục số 01/2015/KU/XMC-SDD207 ngày 03 tháng 08 năm 2015. Không có thời hạn trả nợ vay, lãi suất cho vay là 8,5%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

{e} Khoản vay cá nhân có thời hạn dưới 12 tháng lãi suất 15%/ năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 207

Tầng 20, Toà nhà HH4 Sông Đà TWIN TOWER,
đường Phạm Hùng, xã Mễ Trì, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 09 - DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**20. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	31/12/2015		Trong năm		01/01/2015
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn					
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Cầu Giấy	{a} 84.909.000.000	84.909.000.000	-	3.115.000.000	88.024.000.000
Cộng	84.909.000.000	84.909.000.000	-	3.115.000.000	88.024.000.000

{a} Khoản vay với Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Cầu Giấy, theo các hợp đồng và phụ lục hợp đồng sau:

Hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/2013/HĐHM ngày 31 tháng 10 năm 2013 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy. Thời hạn là 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Hạn mức tín dụng là 50 tỷ đồng. Mục đích sử dụng tiền vay là vay vốn cơ cấu tài chính cho 2 dự án Trung Đình Hội 02, Dự án Diamond Flower Tower. Lãi suất tiền vay là 10,5%/năm. Lãi suất cho các kỳ tiếp theo được tính bằng FTP mua vốn cùng kỳ hạn cộng biên độ 1%/năm, lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần.

Phụ lục hợp đồng số 01/CC.2015/PLHĐTD và hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức ngày 22 tháng 10 năm 2015. Thời hạn vay của các khế ước được kéo dài thêm 3 năm quy định chi tiết theo từng khế ước. Lãi suất quy định theo từng kỳ, được điều chỉnh 3 tháng 1 lần vào ngày 15 của tháng điều chỉnh. Hạn mức tín dụng là 100 tỷ. Mục đích sử dụng tiền vay là vay vốn bổ sung lưu động, phát hành bảo lãnh phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức bảo lãnh tối đa là 140 tỷ đồng, thời hạn bảo lãnh của từng cam kết bảo lãnh được các bên thỏa thuận cụ thể tại thời điểm bên bảo lãnh đề nghị Ngân hàng phát hành cam kết bảo lãnh. Thời hạn được cấp hạn mức bảo lãnh đến hết ngày 16 tháng 12 năm 2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 207

Tầng 20, Toà nhà HH4 Sông Đà TWIN TOWER,
Đường Phạm Hùng, Xã Mê Trì, Huyện Từ Liêm, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cáo năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

MÀU B 09 - DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**21. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu:**

	Vốn đầu tư chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2014 như được trình bày năm trước	110.000.000.000	10.107.077.500	10.234.300.518	1.227.024.960	(101.540.761.826)	30.027.641.152
Áp dụng chính sách kế toán mới	-	-	1.227.024.960	(1.227.024.960)	-	-
Số dư tại ngày 01/01/2014 như được trình bày lại	110.000.000.000	10.107.077.500	11.461.325.478	-	(101.540.761.826)	30.027.641.152
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	(19.297.997.092)	(19.297.997.092)
Số dư tại ngày 01/01/2015	110.000.000.000	10.107.077.500	11.461.325.478	-	(120.838.758.918)	10.729.644.060
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	(20.583.608.519)	(20.583.608.519)
Số dư tại ngày 31/12/2015	110.000.000.000	10.107.077.500	11.461.325.478	-	(141.422.367.437)	(9.853.964.459)

b. Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phần đang ký phát hành	11.000.000	11.000.000
Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	11.000.000	11.000.000
- Cổ phần phổ thông	11.000.000	11.000.000
Số lượng cổ phần đang lưu hành	11.000.000	11.000.000
- Cổ phần phổ thông	11.000.000	11.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phần

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu bán hàng	519.458.639	632.045.591
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.784.399.990	1.082.859.499
Doanh thu hoạt động xây dựng	320.787.076.907	224.986.032.014
Cộng	325.090.935.536	226.700.937.104

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	482.982.759	642.638.363
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.356.224.127	2.860.804.128
Giá vốn của hoạt động xây dựng	303.854.446.545	214.942.909.616
Cộng	308.693.653.431	218.446.352.107

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	23.525.962	33.328.976
Cộng	23.525.962	33.328.976

4. Chi phí tài chính

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền vay	17.762.559.732	17.935.097.634
Trích lập/ (Hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	2.956.281.622	(389.549.252)
Cộng	20.718.841.354	17.545.548.382

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.292.793.469	5.952.525.213
Chi phí đồ dùng văn phòng	544.735.614	657.558.782
Trích lập dự phòng nợ phải thu	5.233.150.763	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	323.831.340	462.043.680
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.049.778.378	2.048.335.219
Chi phí bằng tiền khác	1.401.641.998	947.564.344
Cộng	15.845.931.562	10.068.027.238

6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	168.992.923.731	146.912.121.675
Chi phí nhân công	37.091.201.124	28.141.314.135
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.022.260.510	2.460.616.918
Chi phí dịch vụ mua ngoài	108.781.979.159	67.830.584.062
Chi phí khác bằng tiền	4.024.334.007	1.463.781.318
Cộng	322.912.698.531	246.808.418.108

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.19 và V.20 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Các khoản vay	173.510.118.215	179.507.781.907
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	481.022.277	1.110.074.751
Nợ thuần	173.029.095.938	178.397.707.156
Vốn chủ sở hữu	(9.853.964.459)	10.729.644.060
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-1755,93%	1662,66%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	481.022.277	1.110.074.751
Phải thu khách hàng và phải thu khác	220.265.473.109	294.772.990.961
Cộng	220.746.495.386	295.883.065.712
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ	173.510.118.215	179.507.781.907
Phải trả người bán và phải trả khác	168.101.015.756	107.572.260.395
Chi phí phải trả	69.127.619.745	53.120.296.833
Cộng	410.738.753.716	340.200.339.135

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không thực hiện các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2015			
Tiền	481.022.277	-	481.022.277
Phải thu khách hàng và phải thu khác	220.265.473.109	-	220.265.473.109
Cộng	220.746.495.386	-	220.746.495.386
31/12/2015			
Các khoản vay	88.601.118.215	84.909.000.000	173.510.118.215
Phải trả người bán và phải trả khác	168.101.015.756	-	168.101.015.756
Chi phí phải trả	69.127.619.745	-	69.127.619.745
Cộng	325.829.753.716	84.909.000.000	410.738.753.716

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 207Tầng 20, Tòa nhà HH4 Sông Đà TWIN TOWER,
đường Phạm Hùng, xã Mỹ Trì, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
01/01/2015			
Tiền	1.110.074.751	-	1.110.074.751
Phải thu khách hàng và phải thu khác	294.772.990.961	-	294.772.990.961
Các khoản ký quỹ	-	-	-
Cộng	295.883.065.712	-	295.883.065.712
01/01/2015			
Các khoản vay	91.483.781.907	88.024.000.000	179.507.781.907
Phải trả người bán và phải trả khác	107.572.260.395	-	107.572.260.395
Chi phí phải trả	53.120.296.833	-	53.120.296.833
Cộng	252.176.339.135	88.024.000.000	340.200.339.135
Chênh lệch thanh khoản thuần	43.706.726.577	(88.024.000.000)	(44.317.273.423)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Báo cáo bộ phận

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 “Báo cáo bộ phận”, Công ty đồng thời lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về Báo cáo bộ phận theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất, mà không trình bày trên Báo cáo tài chính riêng.

2. Thông tin về bên liên quan***Danh sách các bên liên quan:***

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH MTV Xây lắp Sông Đà 207	Công ty con
Công ty TNHH MTV Sông Đà 207 Nha Trang	Công ty con
Công ty TNHH MTV Sông Đà 207 Miền Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Sông Đà HTC	Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 207Tầng 20, Toà nhà HH4 Sông Đà TWIN TOWER,
đường Phạm Hùng, xã Mỹ Trì, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****2. Thông tin về bên liên quan (Tiếp theo)***Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Bán hàng	-	132.130.508
Công ty TNHH MTV Xây lắp Sông Đà 207	-	132.130.508
Mua hàng	23.751.616.843	29.024.472.948
Công ty TNHH MTV Sông Đà 207 Miền Nam	23.751.616.843	29.024.472.948

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Các khoản phải thu ngắn hạn khác		
Công ty TNHH MTV Xây lắp Sông Đà 207	10.879.004.862	10.879.004.862
Công ty TNHH MTV Sông Đà 207 Nha Trang	4.287.549.047	4.287.549.047
Công ty TNHH MTV Sông Đà 207 Miền Nam	4.990.867.235	4.900.571.172
Cộng	20.157.421.144	20.067.125.081

Các khoản phải trả thương mại

Công ty Cổ phần Sông Đà HTC	1.763.636.364	1.567.627.322
Công ty TNHH MTV Sông Đà 207 Miền Nam	1.226.084.396	2.473.012.183
Cộng	2.989.720.760	4.040.639.505

Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm 2015 như sau:

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc	1.822.513.250	1.580.649.896
Cộng	1.822.513.250	1.580.649.896

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

Như trình bày tại Thuyết minh III, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán được phân loại lại cho phù hợp với số liệu so sánh của năm nay. Cụ thể như sau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

4. Số liệu so sánh (Tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Số đã báo cáo	Phân loại lại	Số sau phân loại lại
		VND	VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	483.430.871.160	-	483.430.871.160
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	131	351.415.104.551	21.840.281.508	373.255.386.059
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	218.835.149.648	21.840.281.508	240.675.431.156
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150	21.903.496.051	(21.840.281.508)	63.214.543
4. Tài sản ngắn hạn khác	155	21.840.281.508	(21.840.281.508)	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		554.795.442.405	-	554.795.442.405

NGUỒN VỐN	Mã số	Số đã báo cáo	Phân loại lại	Số sau phân loại lại
		VND	VND	VND
D. NGUỒN VỐN	400	10.729.644.060	-	10.729.644.060
I. Vốn chủ sở hữu	410	10.729.644.060	-	10.729.644.060
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	10.234.300.518	1.227.024.960	11.461.325.478
4. Quỹ dự phòng tài chính		1.227.024.960	(1.227.024.960)	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		554.795.442.405	-	554.795.442.405

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Không có sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ cần điều chỉnh hoặc công bố trên thuyết minh Báo cáo tài chính.




 Tạ Thị Giang
 Người lập biểu


 Phạm Đình Hiệp
 Kế toán trưởng


 Trần Việt Sơn
 Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 05 năm 2016